

Số: 21/2020/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 24 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản T, C, xã C, C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Cầm Văn N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản T, Ch, xã C, C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lò Thị T và anh Cầm Văn N.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

a. Về tình cảm: Chị Lò Thị T và anh Cầm Văn N nhất trí thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu Cầm Đức Ph, sinh ngày 29/07/2012 anh chị thoả thuận sau khi ly hôn giao cháu Ph cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Phát cho tới khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N do anh N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

c. Về tài sản chung vợ chồng: Chị T và anh N tự nguyện thỏa thuận không. Nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

d. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T, anh N tự nguyện thỏa thuận. Nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

đ. Về án phí: Chị T nhận nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000206 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Chị T được nhận lại số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn) đồng chẵn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã H,T, huyện Phù Yên;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Thị Kiều Anh**

